TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 6 - 2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quốc Định và bà Nguyễn Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021, về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021, Thông báo về việc tạm dừng phiên toà số: 02/2021/TBTD-TA ngày 10 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số: 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 9 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1976; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1976; vắng mặt không có lý do.

Cùng địa chỉ: Thôn H2, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 02 năm 2021, bản tự khai, lời khai của chị Nguyễn Thị C; lời khai của anh Nguyễn Đức T, nội dung vụ án như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị C kết hôn với anh Nguyễn Đức T là tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 18/11/1995 tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị Nguyễn Thị C trình bày: Năm 2015 chị nghi ngờ anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Đến khoảng năm 2018, chị phát hiện anh T ngoại tình với một người phụ nữ tên là P

(không rõ địa chỉ), anh T cũng đã thừa nhận nên chị đã tha thứ. Nhưng đến năm 2020, anh T vẫn tiếp tục đi ngoại tình với chị P nên vợ chồng lại xảy ra cãi nhau thường xuyên, căng thẳng, chị và gia đình chồng nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không nghe. Đến tháng 6/2020, chị xác định vợ chồng không thể chung sống được với nhau nên đã làm đơn ly hôn với anh T, anh T đã ký vào đơn ly hôn, nhưng vì các con nên chị không khởi kiện ra Toà án mà vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng không có hạnh phúc, anh T thường xuyên kiếm cớ chửi và đánh chị nhiều lần nên đến tháng 02/2020 chị đã làm đơn ly hôn với anh T và gửi đến Toà án huyện Lý Nhân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Ý kiến của anh Nguyễn Đức T: Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ đẻ anh, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 20 năm. Đến khoảng năm 2015, anh và gia đình nhà vợ đã xảy ra mâu thuẫn trong cách cư xử giữa hai bên, vì gia đình chị C cho rằng anh đi ngoại tình với em dâu của chị C nên vợ chồng cũng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Đến khoảng tháng 4/2020, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, chị C xác định không thể tiếp chung sống được với anh nên đã làm đơn xin ly hôn, do bực tức anh có kí vào đơn nhưng sau đó vợ chồng tiếp tục chung sống bình thường. Nay chị C xin ly hôn, anh xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng vẫn còn tình cảm, hơn nữa vì các con nên anh không đồng ý ly hôn với chị C.

- *Về con chung:* Chị Chinh và anh T đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1996, hiện nay đang là bộ đội chuyên nghiệp, đóng quân tại thành phố Đ và cháu Nguyễn Hương G, sinh ngày 14/4/2005, hiện nay đang sinh sống cùng với ông bà nội cháu là ông Nguyễn Đức M và bà Trần Thị H từ tháng 8/2020 cho đến nay.

Trường hợp vợ chồng ly hôn: Chị C và anh T đều đề nghị được nuôi dưỡng cháu G cho tới khi cháu đủ 18 tuổi. Chị C và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Đ đã trên 18 tuổi, tự lập nên chị Chinh và anh T đều không yêu cầu Toà án phải giải quyết.

- *Về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác:* Chị C và anh T đều không yêu cầu Toà án phải giải quyết.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Đức T. Về con chung: Chị C đề nghị được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hương G, không yêu cầu anh Thìn phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Đ đã trên 18 tuổi, tự lập nên chị C không yêu cầu Toà án phải giải quyết. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Chị C không yêu cầu Toà án phải giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến: Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ như vắng mặt tại các phiên toà sơ thẩm. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị giải quyết ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Đức T; về con chung: Giao cháu Nguyễn Hương G cho chị Nguyễn Thị C nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Thìn không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị C; về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị C cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên toà, bị đơn là anh Nguyễn Đức T vắng mặt phiên toà lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Đức T là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án cả chị C và anh T đều xác định thời điểm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015 đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn, chị C thì cho rằng anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc; anh T trình bầy nguyên nhân mâu thuẫn do chị C nghi ngờ anh ngoại tình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, giữa anh và gia đình nhà vợ cũng không hoà thuận, bên cạnh đó có phần do kinh tế khó khăn, mâu thuẫn căng thẳng nhất vào giữa năm 2020.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị C và anh Thìn đưa ra là khác nhau, nhưng các bên đều thừa nhận mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm nay, cuộc sống chung không có hạnh phúc, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị C và anh T có 02 con chung là Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1996, hiện nay đã trên 18 tuổi, tự lập và cháu Nguyễn Hương G, sinh ngày

14/4/2005. Chị C và anh T cùng có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Hương G.

Hội đồng xét xử thấy: Nguyện vọng được nuôi con của chị C và anh T là chính đáng; xét về điều kiện thì cả chị C và anh T đều có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung, cháu G có nguyên vọng được ở với chị C. Sau khi xem xét nguyện vọng của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ của vụ án, Hội đồng xét xử thấy nên giao cháu G cho chị C nuôi dưỡng là phù hợp. Chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Đối với cháu Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1996, hiện nay đã trên 18 tuổi, tự lập, các đương sự không yêu cầu Toà án phải giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự đều không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hương G, sinh ngày 14/4/2005 cho chị Nguyễn Thị C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị C.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C

đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0003848 ngày 01/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã Đ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đỗ Quốc Huy